

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Ngọc T**, sinh năm 1982

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: **K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trịnh Ngọc T** và chị **Nguyễn Thị C**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh **Trịnh Ngọc T** và chị **Nguyễn Thị C** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Nguyễn Thị C** trực tiếp nuôi con **Trịnh Nguyễn Ngọc A**, sinh ngày 15/11/2009 và **Trịnh Nguyễn An P**, sinh ngày 22/10/2019 đến khi đủ 18 tuổi.

Anh **Trịnh Ngọc T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Trịnh Nguyễn Ngọc A**, sinh ngày 15/11/2009 và **Trịnh Nguyễn An P**, sinh ngày 22/10/2019, mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho một người con. Thời hạn cấp dưỡng vào ngày 01 hằng tháng, kể từ tháng 6/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh **Trịnh Ngọc T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh **Trịnh Ngọc T** nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn là **150.000 đồng** và án phí cấp dưỡng **150.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **300.000 đồng**, theo biên lai số **0001595 ngày 08/4/2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Anh **Trịnh Ngọc T** đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Bình